

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Châu Bích Phượng

2/ Ông Trần Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Chi - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Lan Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Mộng T, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Ấp BP, xã BP, huyện GCT, Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn M – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn M – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. Địa chỉ: Số 89 đường HCT, khu phố 1, Thị trấn ĐT, huyện DH, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Lương Tấn S, sinh năm 1998,

Địa chỉ: Ấp D, xã DH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Trần Thị Mộng V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp BP, xã BP, huyện GCT, Tiền Giang.

(Có mặt: Chị T, Luật sư M, anh S và chị V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15-02-2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Mộng T trình bày:*

Chị Trần Thị Mộng T và anh Lương Tấn S tự nguyện chung sống và cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang vào năm 2019. Chị T và anh S chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, anh S có quan hệ tình cảm với người khác, vợ chồng đã không quan tâm chăm sóc cho nhau và đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Giữa Chị T và anh S đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên Chị T yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung tên Lương Trần Gia H, sinh ngày 05/6/2019. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Chị T nuôi con từ nhỏ đến tháng 9/2021, từ tháng 9/2021 đến tháng 02/2022 anh S đã trực tiếp nuôi con do dịch bệnh. Chị T đã trực tiếp nuôi con từ tháng 3/2022 cho đến nay. Từ khi trực tiếp nuôi con thì chị đã nghỉ làm việc ở công ty và làm việc tại tiệm kinh doanh quần áo cùng với chị ruột là Trần Thị Mộng V, vừa có thu nhập vừa có thời gian trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Thời gian qua Chị T đã chăm sóc con chung rất tốt, cháu tăng cân và đảm bảo phát triển về mọi mặt. Do đó, chị hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tường trình ngày 03-7-2022, quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lương Tấn S trình bày:*

Anh S thống nhất lời trình bày của Chị T về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp vợ chồng đã không quan tâm chăm sóc cho nhau và đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Anh S xác

định anh không có quan hệ tình cảm với người khác như Chị T trình bày. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lương Trần Gia H, sinh ngày 05/6/2019. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con; nếu Chị T nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Anh S không đồng ý để Chị T trực tiếp nuôi con là vì môi trường sống, công việc, chỗ ở hiện tại của Chị T không thuận lợi cho sự phát triển của cháu H, anh không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ tháng 09/2021, anh S và cháu H đã về nhà cha mẹ ruột của anh S sinh sống cho đến tháng 3/2022 thì Chị T đã trực tiếp chăm sóc nuôi con cho đến nay. Từ khi Chị T nuôi con, anh và gia đình anh chỉ đến thăm con 01 lần nhưng có bạn của Chị T ngăn cản nên anh không vào thăm con được, anh có báo với Công an Thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để nhờ can thiệp nhưng Công an thị trấn cho rằng vợ chồng anh chưa ly hôn nên không can thiệp và không lập biên bản ghi nhận sự việc. Từ đó đến nay anh không có đến thăm con nữa và cũng không biết được Chị T có nuôi con tốt hay không. Đối với lời trình bày của Chị T về công việc và thu nhập anh không phản đối. Anh đã nghỉ làm thợ hồ và đi làm công ty, có thu nhập ổn định. Do đó, anh hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 01/4/2022, người làm chứng Trần Thị Mộng V trình bày:*

Chị V là chị ruột của chị Trần Thị Mộng T. Giữa chị V và Chị T, anh S không có mâu thuẫn gì. Đầu tháng 12/2021, Chị T có góp vốn với chị để kinh doanh bán lẻ quần áo và mỹ phẩm, mỗi người góp 50.000.000đồng để kinh doanh Shop đồ TV, địa chỉ kinh doanh tại số 72A đường HP, KDC TĐ, ấp 3A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Long An, có đăng ký kinh doanh và được đăng ký kinh

doanh từ 28/3/2022 với tên là Shop đồ TV do chị đứng tên Giấy chứng nhận kinh doanh. Thu nhập của Shop đồ TV ổn định, sau khi trừ các chi phí thì chị V và Chị T mỗi người lời được 10.000.000đồng/tháng. Nếu Chị T được nuôi cháu H, Chị T sẽ về buôn bán quần áo cùng chị V và chị V sẽ phụ giúp Chị T chăm sóc cháu H. Do đó, chị V xác định Chị T có đủ điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn Trần Thị Mộng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Tiên và anh S có tranh chấp về việc nuôi con chung. Tuy nhiên, Chị T đảm bảo về mọi mặt để đảm bảo nuôi con tốt hơn anh S bao gồm công việc, thời gian, hiểu biết chuyên môn để phát triển về tâm lý cho cháu H. Do đó, đề nghị giao cháu H cho Chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bị đơn Lương Tấn S trình bày: Anh xác định từ tháng 09/2021, anh S và cháu H đã về nhà cha mẹ ruột của anh S sinh sống cho đến ngày 20/4/2022 thì Chị T đã trực tiếp chăm sóc nuôi con cho đến nay. Lúc con chung sống với anh, anh có đưa cháu đi khám bệnh và được bác sĩ tư vấn là cháu có dấu hiệu của bệnh tự kỷ tuy nhiên chưa được khám và điều trị thì Chị T đã tự ý đưa con đi. Từ khi Chị T nuôi con, anh và gia đình anh có đến thăm con 01 lần, có gặp và ẵm được cháu H, tuy nhiên khi ẵm cháu H ra khỏi cửa phòng trọ của Chị T thì có người ngăn cản. Từ đó đến nay anh không có đến thăm con nữa và cũng không biết được Chị T có nuôi con tốt hay không.

Người làm chứng Trần Thị Mộng V giữ nguyên ý kiến đã trình bày và xác định hiện nay Chị T đang bán quần áo cùng với chị và đã chăm sóc cho cháu H rất tốt.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho Chị T ly hôn với anh S; giao con chung cho anh S

được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét do đương sự không có tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với bị đơn Lương Tấn S có nơi cư trú tại ấp Dầu, xã Đông Hòa, Châu Thành, Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mộng T và anh Lương Tấn S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị T đối với anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống, Chị T và anh S lại phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị T và anh S thống nhất trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị T và anh S đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay nên Chị T yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã rất trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T đối với anh S.

[3] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung tên Lương Trần Gia H, sinh ngày 05/6/2019. Cháu H chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Mặt khác, Chị T và anh S thống nhất trình bày cháu H có dấu hiệu của bệnh tự kỷ, rất cần có sự chăm sóc trực tiếp và dành thời gian quan tâm của cha hoặc mẹ để cải thiện tình hình sức khỏe của cháu. Xét thấy, Chị T và anh S hiện nay đều có công việc và thu nhập ổn định. Anh S là công nhân, thời gian anh S đi làm ở công ty sẽ giao cháu H lại cho ông bà nội của cháu H phụ chăm sóc cháu, anh S sẽ dành nhiều thời gian nhất để chăm sóc cho

cháu H. Chị T hiện nay đang làm việc tại tiệm kinh doanh quần áo cùng với chị ruột là Trần Thị Mộng V, vừa có thu nhập vừa có thời gian trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, thời gian làm việc cố định và có thể dành nhiều thời gian để chăm sóc cho cháu H hơn so với anh S. Chị T đã tìm hiểu những kiến thức cơ bản để cải thiện tình hình sức khỏe hiện tại của cháu H. Từ khi sinh ra cho đến nay phần lớn thời gian cháu H được Chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt, cuộc sống đã ổn định nên cần giao con cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi, lợi ích của trẻ em, cũng như sự phát triển về tâm sinh lý của cháu H. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu Lương Trần Gia H, sinh ngày 05/6/2019 cho chị Trần Thị Mộng T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp một phần với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- *Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*
- *Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;*

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mộng T.

1/ Về hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Mộng T được ly hôn với bị đơn Lương Tấn S.

2/ Về con chung: Giao cháu Lương Trần Gia H, sinh ngày 05/6/2019 cho chị Trần Thị Mộng T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lương Tấn S chưa phải cấp dưỡng nuôi con do Chị T chưa yêu cầu.

Anh Lương Tấn S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004026 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên xem như nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Bình Phú, Gò Công Tây, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Bùi Thị Cẩm Loan